TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mộng Linh

Bà Phạm Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHo6nthụ lý số: 25/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Số G, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Số A, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Kim D trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Tuấn A qua tìm hiểu quen biết nhau và kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 27/5/2019. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, vợ chồng không có con chung. Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, nay tình

cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

* Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh Tuấn A không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim D.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim D vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn", bị đơn anh Nguyễn Tuấn A có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Kim D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt. Việc anh Tuấn A vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề

nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh Tuấn A là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Lê Thị Kim D và anh Nguyễn Tuấn A N có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 27/5/2019 là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Lê Thị Kim D và anh Nguyễn Tuấn A sống chung hạnh phúc nhưng vợ chồng không có con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Tại văn số 06/CAX ngày 21/3/2025 của Công an xã T nội dung qua công tác quản lý địa bàn về dân cư và công tác quản lý địa bàn, xác nhận đương sự Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990, có đăng ký thường trú tại số nhà A ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vắng mặt tại địa phương nhưng thỉnh thoảng về địa phương thăm người thân. Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2025 đối với ông Nguyễn Văn H là cha ruột của ông Nguyễn Tuấn A cho biết anh Tuấn A và chị D qua tìm hiểu quen biết nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết, hai người không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn giữa anh chị thì ông không biết do sau khi cưới hai người đi làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân đối với bà Lê Thị Kim T là mẹ ruột của chị D cho biết sau khi cưới, cả hai cùng đi làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vả, tính tình không hợp nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà nhiều lần khuyên răn hai người hàn gắn nhưng không được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy báo cho anh Nguyễn Tuấn A, nhưng anh Tuấn A không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của chị D. Như vậy, cho thấy anh Nguyễn Tuấn A biết việc chị Lê Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nhưng anh Tuấn A không đến Tòa án theo nội dung đã thông báo, triệu tập chứng tỏ anh Nguyễn Tuấn A không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim D và anh Nguyễn Tuấn A đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Kim D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Lê Thị Kim D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Lê Thị Kim D không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Lê Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều Điều 8, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim D. Chị Lê Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Chị Lê Thị Kim D và anh Nguyễn Tuấn A không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Kim D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008620 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thạnh Phong, Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương